

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Răng – Hàm – Mặt
Trình độ Đại học - Mã ngành 7720501**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 31/07/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 20/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định thành Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 4575/QĐ-BYT ngày 23/08/2016 về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản quốc gia của Bác sĩ Răng Hàm Mặt”;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 3450/QĐ-BYT ngày 26/12/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Phê duyệt tài liệu Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ Răng Hàm Mặt;

Căn cứ Quyết định số 1126/2024/QĐ-GDU ngày 10/10/2024 của Hội đồng Trường Trường Đại học Gia Định về việc bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo chuẩn đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo Trường Đại học Gia Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo đại học và Trưởng khoa Khoa học sức khỏe.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo ngành Răng – Hàm – Mặt trình độ Đại học - Mã ngành 7720501”.

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng khoa Khoa học sức khỏe, Bộ môn; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH (để biết)
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Thái Bá Cần

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH: RĂNG - HÀM - MẶT
Mã ngành: 7720501**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1300 /2024/QĐ-GDU ngày 03 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định)*

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: RĂNG - HÀM - MẶT

Mã ngành: 7720501

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt)	RĂNG - HÀM - MẶT
	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh)	ODONTOSTOMATOLOGY
1.2	Mã ngành đào tạo	7720501
1.3	Hình thức đào tạo	Chính quy
1.4	Thời gian đào tạo	6 năm (12 học kỳ chính)
1.5	Đối tượng tuyển sinh	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường
1.6	Số tín chỉ người học phải tích lũy	205 tín chỉ (không bao gồm học phần GDTC và GDQP)
1.7	Thông tin về đánh giá, kiểm định cơ sở giáo dục	Đã kiểm định cấp cơ sở theo QĐ số 138/QĐ-KĐCLGD ngày 24/5/2021

II. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

2.1 Sứ mệnh

Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của nền kinh tế.

2.2 Tầm nhìn

Trở thành đại học đại chúng hàng đầu Việt Nam

2.3 Triết lý giáo dục

“Chọn lọc - Ứng dụng – Đại chúng”

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối sức khỏe;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Luật số 21/LCT/HĐNN8 của Quốc hội ngày 11/07/1989: Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;
- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Quyết định số 4575/QĐ-BYT ngày 23/08/2016 về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản quốc gia của Bác sĩ Răng Hàm Mặt”;
- Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;
- Quyết định số 3450/QĐ-BYT ngày 26/12/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Phê duyệt tài liệu Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

IV. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Răng - Hàm - Mặt tại Trường Đại học Gia Định đào tạo Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt có ý đức; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học và nha khoa, để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh Răng – Hàm – Mặt cho cá nhân và cộng đồng; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho nhân dân.

4.2 Mục tiêu cụ thể

Sinh viên ngành Răng - Hàm - Mặt sau khi tốt nghiệp phải có:

❖ Kiến thức

- PO1. Có kiến thức nền tảng vững vàng (khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học cơ sở khối ngành và cơ sở ngành, khoa học ngành và chuyên ngành) và tư duy phản biện để hành nghề Răng – Hàm – Mặt.

- PO2. Có kiến thức về bệnh học, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bất thường và các bệnh lý Răng – Hàm – Mặt thường gặp.

❖ **Kỹ năng**

- PO3. Thực hiện được thăm khám, chỉ định xét nghiệm, phân tích các kết quả lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh Răng – Hàm – Mặt thường gặp, lập kế hoạch điều trị - điều trị toàn diện, an toàn và phù hợp từng người bệnh.

- PO4. Xử trí được các trường hợp sơ cấp cứu Răng – Hàm – Mặt tại tuyến cơ sở, các bất thường và bệnh lý Răng – Hàm – Mặt thường gặp.

- PO5. Thực hiện được công tác giáo dục, dự phòng, chăm sóc và tăng cường sức khỏe Răng – Hàm – Mặt cho cá nhân và cộng đồng.

- PO6. Quản lý được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Răng – Hàm – Mặt về chuyên môn và theo đúng quy định của pháp luật.

❖ **Mức tự chủ và trách nhiệm**

- PO7. Tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, quy định nghề nghiệp.

- PO8. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp, năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm nghề nghiệp, học tập suốt đời nâng cao trình độ chuyên môn.

4.3. Triển vọng nghề nghiệp

- Có khả năng phát triển nghề nghiệp theo nhiều hướng chuyên sâu của ngành Răng – Hàm – Mặt, nâng cao tay nghề, có khả năng cập nhật những kỹ thuật và công nghệ mới để phát triển kỹ năng hành nghề theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới. Có nền tảng kiến thức và kỹ năng học tiếp lên Bác sĩ nội trú, chuyên khoa I, II, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt. Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt cũng có thể theo học thêm các ngành khác trong khối sức khỏe trong thời gian tối ưu, nhanh nhất.

V. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Chuẩn đầu ra kiến thức

- PLO1. Ứng dụng được kiến thức khoa học đại cương, y sinh học cơ sở, cơ sở ngành/chuyên ngành, kiến thức lâm sàng y khoa và Răng – Hàm – Mặt trong thực hành điều trị và chăm sóc sức khỏe răng miệng an toàn và hiệu quả.

- PLO2. Vận dụng kiến thức y học và chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt để giải quyết được các vấn đề bệnh lý, tăng cường sức khỏe răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.

- PLO3. Đánh giá có phản biện và khách quan các chứng cứ khoa học để giải thích và ứng dụng trong điều trị, dự phòng bệnh răng miệng.

- PLO4. Vận dụng được kiến thức khoa học y khoa, công nghệ tiên tiến vào học tập, nghiên cứu và nâng cao năng lực thực hành Răng – Hàm – Mặt.

5.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- PLO5. Xác định chính xác các bệnh Răng – Hàm – Mặt thường gặp - chẩn đoán - lập kế hoạch điều trị toàn diện, phù hợp thông qua thực hiện được thăm khám lâm sàng, thu thập thông tin, ra chỉ định - tổng hợp các thông tin lâm sàng, cận lâm sàng.
- PLO6. Xử trí sơ cấp cứu và điều trị Răng – Hàm – Mặt tại tuyến cơ sở.
- PLO7. Xác định được các vấn đề sức khỏe răng miệng thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp.
- PLO8. Có kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức quản lý.

5.3. Chuẩn đầu ra mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO9. Tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn Răng – Hàm – Mặt một cách chuyên nghiệp, hiệu quả và an toàn.
- PLO10. Giao tiếp, phối hợp hiệu quả với bệnh nhân, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng để tạo niềm tin và đồng thuận trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng với phương châm lấy người bệnh làm trung tâm.
- PLO11. Thực hành chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt tuân theo luật pháp, chuẩn đạo đức và các quy định của nghề nghiệp.
- PLO12. Thể hiện được tính chuyên nghiệp, tự định hướng và phát triển nghề nghiệp liên tục hội nhập thông qua trình độ ngoại ngữ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị bệnh Răng – Hàm – Mặt và nghiên cứu khoa học.

❖ Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.	Có kiến thức nền tảng vững vàng (khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học cơ sở khối ngành và cơ sở ngành, khoa học ngành và chuyên ngành) và tư duy phản biện để hành nghề Răng – Hàm – Mặt	X											
2.	Có kiến thức về bệnh học, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bất thường và các bệnh lý Răng – Hàm – Mặt thường gặp.		X	X									
3.	Thực hiện được thăm khám, chỉ định xét nghiệm, phân tích các kết quả lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh Răng – Hàm – Mặt thường gặp, lập				X	X	X						

TT	Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	kế hoạch điều trị - điều trị toàn diện, an toàn và phù hợp từng người bệnh.												
4.	Xử trí được các trường hợp sơ cấp cứu Răng – Hàm – Mặt tại tuyến cơ sở, các bất thường và bệnh lý Răng – Hàm – Mặt thường gặp.						X	X	X				
5.	Thực hiện được công tác giáo dục, dự phòng, chăm sóc và tăng cường sức khỏe Răng – Hàm – Mặt cho cá nhân và cộng đồng.								X	X	X		
6.	Quản lý được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Răng – Hàm – Mặt về chuyên môn và theo đúng quy định của pháp luật.									X	X	X	
7.	Tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, quy định nghề nghiệp										X	X	X
8.	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp, năng lực ngoại ngữ tiếng Anh bậc 4/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm nghề nghiệp, học tập suốt đời nâng cao trình độ chuyên môn.										X	X	X

Ghi chú: Đánh dấu X vào ô tương ứng

Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của từng học phần gắn với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.	13113010	Triết học Mác- Lênin	H		P									P
2.	00112006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H		P									P
3.	00112001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H		P									P

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4.	00112021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H		P									P
5.	00112008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	H		P									P
6.	26112001	Pháp luật đại cương	H		P									P
7.	00113014	Tiếng Anh 1	H		P									H
8.	00113015	Tiếng Anh 2	H		P									H
9.	00113016	Tiếng Anh 3	H		P									H
10.	00113021	Tiếng Anh 4	H		P									H
11.	00113022	Tiếng Anh 5	H		P									H
12.	00113005	Giáo dục thể chất (*)	P		P								P	P
13.	00118004	Giáo dục quốc phòng (*)	P		P								P	P
14.	24112002	Hóa học	S		P									P
15.	24112001	Sinh học và di truyền	S		P									P
16.	24112040	Hóa sinh học	H		P									P
17.	24113026	Sinh lý học	H		P									P
18.	24112009	Vi sinh	H		P									P
19.	24111001	Ký sinh trùng	H		P									P
20.	24112004	Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	S		P									P
21.	24112037	Phương pháp nghiên cứu khoa học Răng – Hàm – Mặt	S		P									P
22.	24113029	Dược lý	H		P									P
23.	24112039	Giải phẫu I	H		P									P
24.	24113027	Giải phẫu II	H		P									P
25.	24112027	Lý sinh	S		P									P
26.	24112041	Mô phôi	S		P									P
27.	24112042	Điều dưỡng cơ bản	S	S	P									P
28.	24114012	Nội khoa		S	S	S	S	S	H					P

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
29.	24114013	Ngoại Khoa	H		P									P
30.	24112078	Nhi khoa			P			S						
31.	24111010	Y học cổ truyền	S		P									P
32.	24111011	Tai mũi họng	S		P		S	P		P				P
33.	24111012	Nhãn khoa	S		P									P
34.	24112043	Da liễu	S		P		P				P			P
35.	24112044	Tổ chức và quản lý hành nghề Răng – Hàm – Mặt	S		P		P				P			P
36.	24112038	Tiếng anh chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt	S		P		P					H		H
37.	24112045	Giải phẫu cắt lớp	S		P		P		H			H		H
38.	24112046	Phẫu thuật thực hành	S		P		P					H		H
39.	24112047	Gây mê, hồi sức cấp cứu Răng – Hàm – Mặt	S		P		P			H		H		H
40.	24115003	Giải phẫu răng	S		P		P		H			H		H
41.	24112048	Mô phôi răng miệng	S		P		P					H		H
42.	24111013	Sinh lý răng miệng	S		P		P					H		H
43.	24113030	Vật liệu - Thiết bị nha khoa	S		P		P		H			H		H
44.	24112049	Kiểm soát lây nhiễm trong Răng – Hàm – Mặt	S		P		P			H		H		H
45.	24112050	Bệnh học miệng và hàm mặt I	S		P		P					H		H
46.	24112051	Bệnh học miệng và hàm mặt II	S		P		P					H		H
47.	24111014	Bệnh học răng	S		P		P		H			H		H
48.	24112052	Cẩn khớp	S		P		P			H		H		H
49.	24112053	Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành	S		P		P		H			H		H

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		miệng hàm mặt												
50.	24112054	Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt 1	S		P		P			H		H		H
51.	24112055	Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt 2	S		P		P		H			H		H
52.	24114014	Phẫu thuật trong miệng 1	S		P		P			H		H		H
53.	24114015	Phẫu thuật trong miệng 2	S		P		P					H		H
54.	24112056	Phẫu thuật hàm mặt I (dị tật bẩm sinh)	S		P		P					H		H
55.	24112057	Phẫu thuật hàm mặt II (chấn thương)	S		P		P		H			H		H
56.	24112058	Phẫu thuật hàm mặt III (u lành tính vùng hàm mặt)	S		P		P			H		H		H
57.	24114016	Chữa răng nội nha 1	S		P		P		H			H		H
58.	24114017	Chữa răng nội nha 2	S		P		P					H		H
59.	24113031	Nha chu 1	S		P		P		H			H		H
60.	24113032	Nha chu 2	S		P		P			H		H		H
61.	24114018	Phục hình tháo lắp	S		P		P					H		H
62.	24113033	Phục hình cố định 1	S		P		P					H		H
63.	24113034	Phục hình cố định 2	S		P		P		H			H		H
64.	24114019	Răng trẻ em 1	S		P		P			H		H		H
65.	24114020	Răng trẻ em 2	S		P		P					H		H
66.	24114021	Nắn chỉnh răng	S		P		P		H			H		H
67.	24114022	Nha khoa công cộng	S		P		P		H			H		H
68.	24112059	Nha khoa cấy ghép	S		P		P			H		H		H
69.	24111015	Mô phỏng lâm sàng phẫu thuật trong miệng	S		P		P		H			H		H
70.	24111016	Mô phỏng lâm sàng nội	S		P		P			H		H		H

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		nha												
71.	24114023	Mô phỏng lâm sàng phục hình răng	S		P		P					H		H
72.	24112060	Mô phỏng lâm sàng cắn khớp	S		P		P					H		H
73.	24112061	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I							H			H		H
74.	24112062	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II								H		H		H
75.	24113035	Lâm sàng phục hình tháo lắp							H			H		H
76.	24112063	Lâm sàng phục hình cố định								H		H		H
77.	24112064	Lâm sàng chữa răng - nội nha I							H			H		H
78.	24112065	Lâm sàng chữa răng - nội nha II								H		H		H
79.	24111017	Lâm sàng nha chu I							H			H		H
80.	24111018	Lâm sàng nha chu II								H		H		H
81.	24112066	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển							H			H		H
82.	24113036	Nha khoa cho người tàn tật và lão nha							H			H		H
83.	24113037	Ghi hình (chụp ảnh và quay video) trong Răng - Hàm - Mặt							H	H		H		H
84.	24113038	Nha khoa hiện đại							H	H		H		H
85.	24112069	Kiểm soát đau và vô cảm							H			H		H
86.	24112070	Thực hành nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt 1							H	H		H		H
87.	24112071	Thực hành nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt 2							H	H		H		H
88.	24112072	Nha khoa bệnh lý và							H			H	H	H

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		phẫu thuật chuyên sâu I												
89.	24112073	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật chuyên sâu II								H		H		H
90.	24112074	Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu I							H			H		H
91.	24112075	Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu II								H		H		H
92.	24112076	Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu I							H			H		H
93.	24112077	Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu II								H		H		H
94.	24114024	Khóa luận tốt nghiệp							H			H		H
95.	24114025	Tổng hợp kiến thức ngành Răng – Hàm – Mặt								H		H		H
96.	24114026	Tổng hợp kỹ năng ngành Răng – Hàm – Mặt							H			H		H

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra (partial supported)

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra (Supported)

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra (Highly supported)

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng.

VI. CHUẨN ĐẦU VÀO

Học sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề và tương đương; đáp ứng các quy định về sức khỏe và các điều kiện dự thi khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Trường và đạt ngưỡng điều kiện trúng tuyển đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VII. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

7.1. Tổng số tín chỉ: 205 tín chỉ (không bao gồm học phần GDTC và GDQP)

7.2. Cấu trúc khối kiến thức

TT	Khối kiến thức	Bắt buộc		Tự chọn	
		Số TC	Tỷ lệ %	Số TC	Tỷ lệ
A	Giáo dục đại cương	28	13.6	0	0
B	Giáo dục chuyên nghiệp	166	81.0	11	5.4
I.	Kiến thức cơ sở khối ngành	19	9.3	0	0
II.	Kiến thức cơ sở ngành	31	15.1	2	1.0
III.	Kiến thức ngành/chuyên ngành	91	44.4	0	0
IV.	Thực tập nghề nghiệp	17	8.3	9	4.4
V.	Khóa luận tốt nghiệp	8	3.9	0	0
TỔNG		205			

VIII. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức Giáo dục Đại cương			28											
I. Lý luận Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			11											
1.	00113018	Triết học Mác- Lênin	3	3		3		45	45					IV
2.	00112006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		2		30	30		1			V
3.	00112001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		2		30	30		1,2			V
4.	00112008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		2		30	30		1,2,3			VI
5.	00112021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		2		30	30		1,2,3			VI
II. Pháp luật			2											
6.	26112001	Pháp luật đại cương	2	2		2		30	30					II
III. Ngoại ngữ			15											
7.	00113014	Tiếng Anh 1	3	3		3		45	45					I
8.	00113015	Tiếng Anh 2	3	3		3		45	45					II

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
9.	00113016	Tiếng Anh 3	3	3	0	3		45	45	0				III
10.	00113021	Tiếng Anh 4	3	3	0	3		45	45	0				IV
11.	00113022	Tiếng Anh 5	3	3	0	3		45	45	0				V
IV. Giáo dục thể chất			3											
12.	00113005	Giáo dục thể chất (*)	3	0	3	3		90	90	0				I
V. GDQP-AN			8											
13.	00118004	Giáo dục quốc phòng (*)	8											II
B. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			177											
I. Kiến thức cơ sở khối ngành			19											
14.	24112002	Hóa học	2	2	0	2		30	30	0				I
15.	24112001	Sinh học và di truyền	2	1	1	2		45	15	30				I
16.	24112040	Hóa sinh học	2	2	0	2		30	30	0		14,1 5		II
17.	24113026	Sinh lý học	3	2	1	3		60	30	30				I

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
18.	24112009	Vi sinh	2	1	1	2		45	15	30				III
19.	24111001	Ký sinh trùng	1	1	0	1		15	15	0				III
20.	24112004	Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2	0	2		30	30	0				I
21.	24112037	Phương pháp nghiên cứu khoa học Răng – Hàm – Mặt	2	2	0	2		30	30	0				IV
22.	24113029	Dược lý	3	2	1	3		60	30	30				IV
II. Kiến thức nhóm ngành bắt buộc			31											
23.	24112039	Giải phẫu I	2	1	1	2		45	15	30				I
24.	24113027	Giải phẫu II	3	2	1	3		60	30	30				II
25.	24112027	Lý sinh	3	2	1	2		60	30	30				I
26.	24112041	Mô phôi	2	1	1	2		45	15	30				I
27.	24112042	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2		15	30	0				III
28.	24114012	Nội khoa	4	3	1	4		75	45	30				IV
29.	24114013	Ngoại Khoa	4	3	1	4		75	45	30				V

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
30.	24112078	Nhi khoa	2	2	0	2		30	30	0				VIII
31.	24111010	Y học cổ truyền	1	1	0	1		15	15	0				VII
32.	24111011	Tai mũi họng	1	1	0	1		15	15	0				VII
33.	24111012	Nhãn khoa	1	1	0	1		15	15	0				VII
34.	24112043	Da liễu	1	1	0	1		15	15	0				VII
35.	24112044	Tổ chức và quản lý hành nghề Răng – Hàm – Mặt	2	2	0	2		30	30	0				III
36.	24112038	Tiếng anh chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt	3	3	0	3		45	45	0		7,8		VI
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)			2											
37.	24112045	Giải phẫu cắt lớp	2	1	1	2		45	15	30				III
38.	24112046	Phẫu thuật thực hành	2	1	1	2		45	15	30				IX
III. Kiến thức ngành			84											
39.	24112047	Gây mê, hồi sức cấp cứu Răng – Hàm – Mặt	2	1	1	2		45	15	30				VII
40.	24115003	Giải phẫu răng	5	2	3	5		120	30	90				III

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
41.	24112048	Mô phôi răng miệng	2	1	1	2		45	15	30				IV
42.	24111013	Sinh lý răng miệng	1	1	0	1		15	15	0				II
43.	24113030	Vật liệu - Thiết bị nha khoa	3	2	1	3		60	30	30				V
44.	24112049	Kiểm soát lây nhiễm trong Răng – Hàm – Mặt	2	1	1	2		45	15	30				V
45.	24112050	Bệnh học miệng và hàm mặt I	2	2	0	2		30	30	0				V
46.	24112051	Bệnh học miệng và hàm mặt II	2	2	0	2		30	30	0				VI
47.	24111014	Bệnh học răng	1	1	0	1		15	15	0				VI
48.	24112052	Cắn khớp	2	2	0	2		30	30	0				VI
49.	24112053	Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng hàm mặt	2	1	1	2		45	15	30				VI
50.	24112054	Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt 1	2	1	1	2		45	15	30				V
51.	24112055	Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt 2	2	1	1	2		45	15	30				VI
52.	24114014	Phẫu thuật trong miệng 1	4	2	2	4		90	30	60				VI
53.	24114015	Phẫu thuật trong miệng 2	4	2	2	4		90	30	60				VII

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
54.	24112056	Phẫu thuật hàm mặt I (dị tật bẩm sinh)	2	1	1	2		45	15	30				IX
55.	24112057	Phẫu thuật hàm mặt II (chấn thương)	2	1	1	2		45	15	30				X
56.	24112058	Phẫu thuật hàm mặt III (u lành tính vùng hàm mặt)	2	1	1	2		45	15	30				XI
57.	24114016	Chữa răng nội nha 1	4	1	3	4		105	15	90				VII
58.	24114017	Chữa răng nội nha 2	4	1	3	4		105	15	90				VIII
59.	24113031	Nha chu 1	3	1	2	3		75	15	60				VII
60.	24113032	Nha chu 2	3	1	2	3		75	15	60				VIII
61.	24114018	Phục hình tháo lắp	4	2	2	4		90	30	60				VI
62.	24112059	Nha khoa cấy ghép	2	1	1	2		45	15	30				IX
63.	24113033	Phục hình cố định 1	3	1	2	3		75	15	60				VI
64.	24113034	Phục hình cố định 2	3	1	2	3		75	15	60				VII
65.	24114019	Răng trẻ em 1	4	2	2	4		90	30	60				VIII
66.	24114020	Răng trẻ em 2	4	2	2	4		90	30	60				IX

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
67.	24114021	Nắn chỉnh răng	4	2	2	4		90	30	60				VII
68.	24114022	Nha khoa công cộng	4	2	2	4		90	30	60				IX
Mô phỏng lâm sàng			7											
69.	24111015	Mô phỏng lâm sàng phẫu thuật trong miệng	1	0	1	1		30	0	30				VIII
70.	24111016	Mô phỏng lâm sàng nội nha	1	0	1	1		30	0	30				IX
71.	24114023	Mô phỏng lâm sàng phục hình răng	3	0	3	3		90	0	90				IX
72.	24112060	Mô phỏng lâm sàng cấy khớp	2	0	2	2		60	0	60				X
Thực tập nghề nghiệp			17											
73.	24112061	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	2	0	2	2		60	0	60				IX
74.	24112062	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	2	0	2	2		60	0	60				X
75.	24113035	Lâm sàng phục hình tháo lắp	3	0	3	3		90	0	90				X
76.	24112063	Lâm sàng phục hình cố định	2	0	2	2		60	0	60				XI
77.	24112064	Lâm sàng chữa răng - nội nha I	2	0	2	2		60	0	60				X

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
78.	24112065	Lâm sàng chữa răng - nội nha II	2	0	2	2		60	0	60				XI
79.	24111017	Lâm sàng nha chu I	1	0	1	1		30	0	30				X
80.	24111018	Lâm sàng nha chu II	1	0	1	1		30	0	30				XI
81.	24112066	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển	2	0	2	2		60	0	60				IX
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 4 học phần)			9											
82.	24113036	Nha khoa cho người tàn tật và lão nha	3	2	1	0	3	60	30	30				XI
83.	24113037	Ghi hình (chụp ảnh và quay video) trong Răng - Hàm - Mặt	3	1	2	0	3	75	15	60				XI
84.	24113038	Nha khoa hiện đại	3	2	1	0	3	60	30	30				X
85.	24112069	Kiểm soát đau và vô cảm	3	2	1	0	2	60	30	30				X
IV. Module tự chọn: Định hướng chuyên sâu (chọn 1 trong 4 Module)			4											
86.	Module 1: Nghiên cứu khoa học Răng – Hàm – Mặt		4											
86.1	24112070	Thực hành nghiên cứu Răng –	2	0	2	2		60	0	60				XI

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
		Hàm – Mặt 1												
86.2	24112071	Thực hành nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt 2	2	0	2	2		60	0	60				XI
87.	Module 2: Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật		4											
87.1	24112072	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật chuyên sâu I	2	0	2	2		60	0	60				XI
87.2	24112073	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật chuyên sâu II	2	0	2	2		60	0	60				XI
88.	Module 3: Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ		4											
88.1	24112074	Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu I	2	0	2	2		60	0	60				XI
88.2	24112075	Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu II	2	0	2	2		60	0	60				XI
89.	Module 4: Nha khoa dự phòng và phát triển		4											
89.1	24112076	Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu I	2	0	2	2		60	0	60				XI
89.2	24112077	Nha khoa dự phòng và phát triển	2	0	2	2		60	0	60				XI

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			HK (dự kiến)
			Tổng	LT	TH	BB	TC	Tổng	LT	TH	TQ	HT	SH	
		chuyên sâu II												
V. Khóa luận tốt nghiệp			4											
90.	24114024	Khóa luận tốt nghiệp	4	4	0	4		60	60	0				XII
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			4											
91.	24114025	Tổng hợp kiến thức ngành Răng – Hàm – Mặt	4	4	0	4		60	60	0				XII
92.	24114026	Tổng hợp kỹ năng ngành Răng – Hàm – Mặt	4	0	4	4		120	0	120				XII

8.2. Nội dung của chương trình

8.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: Có 28 tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội (11 TC bắt buộc), tin học - khoa học tự nhiên (2 TC bắt buộc), ngoại ngữ (15 TC bắt buộc), giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác.

- **Triết học Mác- Lênin:** Học phần môn Triết học Mác - Lênin được cấu trúc thành 3 chương. Giúp sinh viên nắm được kiến thức triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhằm xây dựng cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận để sinh viên nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, từ đó, giúp sinh viên vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, V.. theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- **Kinh tế chính trị Mác - Lênin:** Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin có 6 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Học phần này trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị trong bối cảnh phát triển của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường; qua đó, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác-Lênin.

- **Chủ nghĩa xã hội khoa học:** Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương, giúp sinh viên nắm được những vấn đề về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; vấn đề dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, vấn đề giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình, môn học bồi dưỡng cho sinh viên kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa,

xã hội, đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

- **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:** Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

- **Tư tưởng Hồ Chí Minh:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

- **Pháp luật đại cương:** Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành luật. Học phần này cung cấp những kiến thức chung nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật; các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

- **Tiếng Anh 1:** Đây là học phần tích hợp cả bốn kỹ năng tiếng Anh. Học phần này dành cho những sinh viên muốn sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày, cung cấp các chủ đề nội dung phong phú trong mỗi bài học, mở rộng thực hành tiếng Anh một cách tự nhiên, và nhiều hoạt động nói hấp dẫn. Ngoài ra, học phần còn mang lại cho sinh viên cơ hội tốt để học qua các phương tiện khác nhau và giải quyết vấn đề bằng cách tập trung vào các kỹ năng giao tiếp thực tế. Sinh viên đạt năng lực sử dụng tiếng Anh tương ứng với trình độ A2/IELTS 3.5-4.0.

- **Tiếng Anh 2:** Đây là học phần tích hợp cả bốn kỹ năng tiếng Anh. Học phần này dành cho những sinh viên muốn sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày,

cung cấp các chủ đề nội dung phong phú trong mỗi bài học, mở rộng thực hành tiếng Anh một cách tự nhiên và nhiều hoạt động nói hấp dẫn. Ngoài ra, học phần còn mang lại cho sinh viên cơ hội tốt để học qua các phương tiện khác nhau và giải quyết vấn đề bằng cách tập trung vào các kỹ năng giao tiếp thực tế. Sinh viên đạt năng lực sử dụng tiếng Anh tương ứng với trình độ A2/IELTS 4.0-4.5.

- **Tiếng Anh 3:** tập trung vào việc phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp học thuật và công việc. Nội dung học bao gồm việc mở rộng vốn từ vựng chuyên sâu, cải thiện kỹ năng viết, nghe, và đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành, đồng thời nâng cao khả năng thuyết trình và làm việc nhóm bằng tiếng Anh. Học phần Tiếng Anh 3 tập trung vào việc phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp học thuật và công việc. Nội dung học bao gồm việc mở rộng vốn từ vựng chuyên sâu, cải thiện kỹ năng viết, nghe, và đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành, đồng thời nâng cao khả năng thuyết trình và làm việc nhóm bằng tiếng Anh.

- **Tiếng Anh 4:** Tập trung vào việc phát triển kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành, giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh trong các lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Nội dung học bao gồm luyện tập kỹ năng đọc hiểu và phân tích tài liệu chuyên ngành, viết báo cáo và email chuyên nghiệp, thảo luận và trình bày các chủ đề nâng cao. Học phần cũng chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống và giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc quốc tế.

- **Tiếng Anh 5:** Tập trung vào việc phát triển kỹ năng tiếng Anh học thuật và nghiên cứu chuyên sâu, phù hợp với sinh viên chuẩn bị cho các hoạt động nghiên cứu hoặc học tập sau đại học. Nội dung học bao gồm cách viết luận văn, báo cáo nghiên cứu, trích dẫn tài liệu tham khảo và trình bày ý tưởng một cách chuyên nghiệp. Học phần cũng giúp sinh viên nâng cao kỹ năng phân tích và thảo luận các chủ đề phức tạp, cũng như khả năng giao tiếp hiệu quả trong các hội nghị, hội thảo quốc tế.

- **Giáo dục thể chất:** Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, kiến thức và kỹ năng vận động, hình thành thói quen luyện tập thể thao, lựa chọn môn thể thao phù hợp để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, tạo niềm vui, phấn khởi từ đó nâng cao chất lượng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Thông qua các hoạt động giáo dục thể chất để thúc đẩy các phong trào hoạt động thể dục, thể thao trong nhà Trường.

- **Giáo dục quốc phòng - An ninh:** Sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an

ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

- **Hoá học:** Môn học này trình bày cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu trúc, chức năng và sự chuyển hóa của các chất hóa học trong cơ thể sống. Bên cạnh những vấn đề hóa sinh cơ bản, môn học cũng cung cấp một số kiến thức về hóa sinh lâm sàng như: sự chuyển hóa ở gan, thận, và một vài rối loạn chuyển hóa phổ biến ở người, nhằm góp phần chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, theo dõi diễn tiến bệnh, tầm soát bệnh trong cộng đồng. Sinh viên liệt kê được những xét nghiệm hóa sinh cơ bản

- **Sinh học và di truyền:** Môn học cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, biết được một số xét nghiệm di truyền học; một số phương pháp nghiên cứu y sinh học ở người. Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

- **Hoá sinh học:** Môn học này trình bày cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu trúc, chức năng và sự chuyển hóa của các chất hóa học trong cơ thể sống. Bên cạnh những vấn đề hóa sinh cơ bản, môn học cũng cung cấp một số kiến thức về hóa sinh lâm sàng như: sự chuyển hóa ở gan, thận, và một vài rối loạn chuyển hóa phổ biến ở người, nhằm góp phần chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, theo dõi diễn tiến bệnh, tầm soát bệnh trong cộng đồng. Sinh viên liệt kê được những xét nghiệm hóa sinh cơ bản.

- **Sinh lý học:** Môn học này giới thiệu cho sinh viên biết các khái niệm cơ bản về nội môi và sự tổ chức của cơ thể để duy trì nội môi. Phân tích chức năng của các hệ thống cơ quan trong cơ thể: máu, tuần hoàn, hô hấp, thận, tiêu hóa, nội tiết, sinh sản, thần kinh. Các phương pháp thăm dò chức năng của các hệ thống nói trên: huyết đồ, huyết áp, điện tim, hô hấp ký, hệ số thanh lọc và độ lọc cầu thận, đo dẫn truyền thần kinh.

- **Vi sinh:** Môn học này giới thiệu cho sinh viên biết các khái niệm cơ bản trong vi sinh y học. Mối quan hệ giữa vi sinh - cơ thể - môi trường. Nhận dạng một số vi khuẩn phổ biến trên tiêu bản mẫu. Thực hiện các kỹ thuật vô khuẩn trong phòng xét nghiệm và các khoa phòng khác. Ý thức trách nhiệm để đảm bảo độ tin cậy cao trong xét nghiệm.

- **Ký sinh trùng:** Môn học này trình bày nghiên cứu về chu trình phát triển, dịch tễ học,

tác hại của một số đơn bào, giun sán, côn trùng và vi nấm phổ biến ở Việt Nam. Những nguyên tắc cơ bản trong phòng chống và kiểm soát ký sinh trùng. Quan sát và đánh giá được kết quả soi tiêu bản bệnh phẩm của người mắc bệnh do một số ký sinh trùng gây ra.

- **Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe:** Môn học này cung cấp các khái niệm cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe, kỹ năng giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhân và đồng nghiệp. Các kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, đồng nghiệp. Kỹ năng cho và nhận phản hồi. Kỹ năng tư vấn bệnh nhân Kỹ năng của thảo luận nhóm. Giao tiếp với bệnh nhân trong các trường hợp đặc biệt: bệnh nhân khó tính, bệnh mạn tính...Đánh giá hiệu quả buổi giao tiếp.

- **Phương pháp nghiên cứu khoa học Răng – Hàm – Mặt:** Môn học này trình bày cho sinh viên biết về tầm quan trọng, ý nghĩa của nghiên cứu trong phát triển ngành nghề và các phương pháp nghiên cứu điều dưỡng. Ngoài ra, sinh viên điều dưỡng sẽ có cơ hội định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực sức khỏe và mối quan hệ giữa nghiên cứu với thực hành dựa trên chứng cứ. Môn học này sẽ giúp sinh viên biết cách thiết kế đề tài nghiên cứu khoa học, thu thập đủ các dữ liệu chất lượng và phân tích các dữ liệu thô để trả lời các câu hỏi nghiên cứu thú vị. Hơn nữa, sinh viên sẽ tiến hành các dự án nhỏ để có thể ứng dụng lý thuyết được học vào các thí nghiệm thực tế. Sau khi kết thúc quá trình làm nghiên cứu khoa học, thu thập dữ liệu thô, phân tích và đánh giá kết quả thông qua số liệu, sinh viên sẽ được học cách viết bài báo khoa học một cách logic, chất lượng và đảm bảo yêu cầu về mặt khoa học. Sinh viên sẽ được đọc các bài báo được công bố hoặc bị từ chối để có kinh nghiệm. Sau đó, sinh viên sẽ phải thực hành viết một bài báo khoa học chính chu từ thí nghiệm đã làm. Ngoài ra, cách thức trình bày báo cáo khoa học kết quả thu được từ số liệu cho hội đồng khoa học cũng sẽ được giới thiệu.

- **Dược lý:** Dược lý học là môn khoa học nghiên cứu về tương tác (hoặc nguyên lý tác động) của thuốc lên cơ thể sống. Sinh viên được giới thiệu các khái niệm cơ bản về hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể; tác dụng chính, tác dụng không mong muốn, chỉ định và chống chỉ định, tương tác của một số thuốc cơ bản.

- **Giải phẫu 1:** Các học phần Giải phẫu thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, bao gồm Giải phẫu I (đầu cổ) và Hệ thần kinh. Học phần Giải phẫu I là học phần Giải phẫu đầu cổ, cung cấp kiến thức về vị trí, hình thái, cấu tạo và mối liên quan của xương, khớp, cơ, mạch máu, hệ thần kinh và các cơ quan quan trọng ở vùng đầu cổ, vận dụng kiến thức giải phẫu để học các môn chuyên ngành cũng như ứng dụng trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh Răng – Hàm – Mặt thường gặp. Phân thực hành giúp sinh viên nhận diện, mô tả vị trí và hình thể ngoài, hình thể trong, xác định đúng các đặc điểm quan trọng của các cấu trúc giải phẫu bình thường ở vùng đầu mặt cổ người trên mô hình và trên các phương tiện hình ảnh.

- **Giải phẫu 2:** Học phần Giải phẫu II là giải phẫu hệ cơ quan, cung cấp kiến thức về vị trí, hình thái, cấu tạo và mối liên quan của các hệ cơ quan trong cơ thể người bình thường. Phân thực hành trên mô hình để nhận diện, mô tả vị trí và hình thể, xác định đúng các đặc điểm quan trọng của các hệ cơ quan bình thường ở người.

- **Lý sinh:** Môn học này trình bày các kiến thức và quy luật Vật lý để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống, nghiên cứu ảnh hưởng và tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các phương pháp và kỹ thuật y học hiện đại. tập trung nghiên cứu bản chất, cơ chế, động lực của các hiện tượng và các quá trình xảy ra trong các hệ thống sống. Mô tả nguyên lý cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của một số kỹ thuật như: đo ghi dòng điện sv, kích thích điện,...được ứng dụng phổ biến trong Chẩn đoán và Điều trị.

- **Mô phôi:** Môn học Mô Phôi là nền tảng quan trọng trong đào tạo Răng – Hàm – Mặt, giúp sinh viên hiểu rõ về cấu trúc và chức năng của các mô và cơ quan trong cơ thể, đặc biệt là vùng đầu mặt cổ. Môn học này cung cấp kiến thức về các loại mô, tế bào, và sự phát triển phôi thai của các cơ quan, từ đó giúp sinh viên có cơ sở lý luận để hiểu các cơ chế bệnh học cũng như các kỹ thuật điều trị.

- **Điều dưỡng cơ bản:** Nội dung học phần này cung cấp kiến thức về lịch sử điều dưỡng, hệ thống tổ chức ngành điều dưỡng, vị trí của điều dưỡng trong hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam; những vai trò, chức năng của người điều dưỡng và định hướng phát triển; những nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng; mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; các học thuyết về điều dưỡng; cách lập quy trình điều dưỡng; các tai biến và cách xử trí trong, sau quá trình chăm sóc người bệnh. Sau khi học xong học phần người học hiểu rõ hệ thống tổ chức ngành điều dưỡng, chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe và có thể vận dụng những kiến thức để chăm sóc cho người bệnh và cộng đồng. Cung cấp kiến thức về những nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, ứng dụng các học thuyết và quy trình điều dưỡng để đánh giá thể chất và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nhu cầu cơ bản người bệnh, đảm bảo an toàn trong thực hành chăm sóc. Tôn trọng trong giao tiếp và tư vấn sức khỏe cho người bệnh, rèn luyện tính thận trọng, khéo léo, chính xác.

- **Nội khoa:** Môn học Nội khoa cung cấp kiến thức, kỹ năng cho sinh viên thực hiện và ứng dụng trong quy trình thực hành chăm sóc người bệnh tại khoa nội, để chăm sóc an toàn và hiệu quả người bệnh / gia đình khi có các vấn đề bệnh lý cấp và mãn tính đang được điều trị tại khoa nội. Sinh viên có cơ hội phát triển kỹ năng đánh giá, ứng dụng quy trình chăm sóc và giải quyết vấn đề khi thực hiện chăm sóc người bệnh tại khoa nội.

- **Ngoại khoa:** Môn học Ngoại khoa gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm

khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiết khuẩn trong ngoại khoa. Học phần cũng giúp sinh viên khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh đường tiêu hóa, lồng ngực mạch máu và nhiễm

- **Nhi khoa:** Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên Răng – Hàm – Mặt những kiến thức cơ bản về nhi khoa: sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ, cách theo dõi và đánh giá sức khỏe của trẻ qua các thời kỳ phát triển, những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của các hệ thống trong cơ thể trẻ em như: bộ máy hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu. Đồng thời học phần cũng giới thiệu một số bệnh toàn thân ở trẻ có biểu hiện ở vùng miệng, hàm mặt.

- **Y học cổ truyền:** Môn Y học cổ truyền cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành dựa trên thuyết âm dương ngũ hành trong quan điểm y học cổ truyền để ứng dụng trong việc duy trì sức khỏe, phòng ngừa, chẩn đoán và điều trị bệnh. Môn học còn cung cấp một số phương pháp điều trị không dùng thuốc như châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, tập luyện dưỡng sinh, v.v.

- **Tai mũi họng:** Học phần Tai mũi họng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bệnh học, chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý, chấn thương thường gặp trong chuyên khoa Tai Mũi Họng.

- **Nhãn khoa:** Học phần Nhãn khoa cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh học, cách chẩn đoán và xử trí một số bệnh tật thường gặp ở mắt, các chấn thương thường xảy ra ở mắt, liên quan giữa bệnh mắt và một số bệnh toàn thân.

- **Da liễu:** Học phần Da liễu thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức Cơ bản về bệnh học, chẩn đoán và xử trí một số bệnh ngoài da thường gặp và có liên quan đến Răng – Hàm – Mặt.

- **Tổ chức và quản lý hành nghề Răng – Hàm – Mặt:** Môn học Tổ chức và Quản lý Hành nghề Răng – Hàm – Mặt trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý, điều hành phòng khám nha khoa hoặc trung tâm y tế. Môn học này giúp sinh viên hiểu về quy trình pháp lý, quy định hành nghề, kỹ năng tổ chức công việc, quản lý tài chính, và chăm sóc bệnh nhân trong lĩnh vực Răng – Hàm – Mặt. Đây là một phần quan trọng giúp sinh viên chuẩn bị tốt cho việc hành nghề và nâng cao chất lượng dịch vụ nha khoa.

- **Tiếng Anh chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản tiếng anh trong chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt, đồng thời cung cấp các cấu trúc văn phạm và các kỹ năng đọc hiểu cần thiết để đọc các tài liệu tiếng anh chuyên ngành. Học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên Răng – Hàm – Mặt nâng cao kỹ năng nói qua các bài hội thoại, các bài tập ngữ pháp giúp sinh viên nắm chắc các cấu

trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng anh chuyên ngành và có kỹ năng giao tiếp trong các tình huống. Sinh viên có thể áp dụng tiếng anh chuyên ngành trong quá trình thăm khám, nhận định, chẩn đoán và đưa ra kế hoạch chăm sóc cho người bệnh trong các tình huống thường gặp

- **Giải phẫu cắt lớp:** Môn học Giải Phẫu Cắt Lớp là một phần quan trọng trong chương trình Răng – Hàm – Mặt, giúp sinh viên hiểu sâu về cấu trúc giải phẫu cơ thể qua các lớp cắt ngang, đặc biệt là vùng đầu, mặt, và cổ. Môn học cung cấp kiến thức về hình ảnh cắt lớp từ các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh như CT, MRI, giúp sinh viên có khả năng phân tích cấu trúc giải phẫu trong không gian ba chiều. Điều này hỗ trợ rất lớn cho việc chẩn đoán và điều trị chính xác trong thực hành nha khoa.

- **Phẫu thuật thực hành:** Môn học Phẫu Thuật Thực Hành là môn học chuyên sâu trong chương trình đào tạo Răng – Hàm – Mặt, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phẫu thuật cơ bản và nâng cao trong lĩnh vực nha khoa. Sinh viên sẽ được thực hành các kỹ thuật phẫu thuật miệng, nhổ răng, xử lý các tổn thương mô mềm và xương hàm dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Môn học không chỉ trang bị kiến thức lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng thao tác thực tế, giúp sinh viên tự tin và thành thạo khi bước vào thực tiễn lâm sàng.

- **Gây mê, hồi sức cấp cứu Răng – Hàm – Mặt:** Môn học Gây Mê, Hồi Sức Cấp Cứu Răng – Hàm – Mặt cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết về gây mê, quản lý đau và hồi sức cấp cứu trong quá trình điều trị nha khoa. Môn học bao gồm các phương pháp gây mê, quy trình hồi sức, xử lý tình huống khẩn cấp, đặc biệt là trong các ca phẫu thuật miệng và hàm mặt. Việc nắm vững kiến thức này giúp sinh viên đảm bảo an toàn và chăm sóc tốt nhất cho bệnh nhân trong các tình huống phức tạp khi hành nghề Răng – Hàm – Mặt.

- **Giải phẫu răng:** Môn học Giải Phẫu Răng cung cấp kiến thức chi tiết về cấu trúc, hình thái, và chức năng của các loại răng trong hệ thống nhai. Sinh viên sẽ học về từng phần của răng, như men răng, ngà răng, tủy răng, cũng như mối liên hệ giữa răng và mô quanh răng. Hiểu rõ về giải phẫu răng là cơ sở quan trọng để thực hiện các kỹ thuật điều trị và phục hình răng chính xác, góp phần vào việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng cho bệnh nhân

- **Mô phôi răng miệng:** Môn học Mô Phôi Răng Miệng cung cấp kiến thức chuyên sâu về sự phát triển phôi thai và cấu trúc vi thể của các mô trong khoang miệng, bao gồm răng, nướu, xương hàm và tuyến nước bọt. Sinh viên sẽ nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của các mô này để hiểu rõ cơ sở sinh học của các bệnh lý răng miệng. Đây là nền tảng quan trọng giúp sinh viên nắm vững nguyên nhân, cơ chế của bệnh và áp dụng hiệu quả trong chẩn đoán, điều trị nha khoa.

- **Sinh lý răng miệng:** Môn học Sinh Lý Răng Miệng tập trung vào các quá trình

sinh lý diễn ra trong khoang miệng và hệ thống răng. Sinh viên sẽ nghiên cứu về chức năng của răng, mô nướu, tuyến nước bọt, và các cơ chế liên quan đến nhai, nuốt và cảm giác. Môn học cũng đề cập đến sự tương tác giữa các mô trong khoang miệng và ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như dinh dưỡng, vi khuẩn và môi trường đến sức khỏe răng miệng. Kiến thức trong môn học này là cần thiết để hiểu rõ về tình trạng sinh lý bình thường và bất thường, từ đó áp dụng vào thực hành lâm sàng.

- **Vật liệu - Thiết bị nha khoa:** Môn học Vật Liệu - Thiết Bị Nha Khoa cung cấp kiến thức về các loại vật liệu và thiết bị sử dụng trong nha khoa, bao gồm vật liệu phục hình, vật liệu trám, và các thiết bị chẩn đoán, điều trị. Sinh viên sẽ học về tính chất, ứng dụng, và cách lựa chọn vật liệu phù hợp trong từng trường hợp lâm sàng. Ngoài ra, môn học cũng đề cập đến công nghệ và thiết bị hiện đại trong nha khoa, giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật và quy trình làm việc hiệu quả, đảm bảo an toàn và chất lượng điều trị cho bệnh nhân.

- **Kiểm soát lây nhiễm trong Răng – Hàm – Mặt:** Môn học Kiểm Soát Lây Nhiễm trong Răng – Hàm – Mặt trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để đảm bảo an toàn trong thực hành nha khoa. Sinh viên sẽ học về các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm, quy trình khử trùng, tiệt trùng dụng cụ, và quản lý chất thải y tế trong môi trường nha khoa. Môn học cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện các quy định về an toàn và vệ sinh để bảo vệ sức khỏe của bệnh nhân và nhân viên y tế, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực Răng – Hàm – Mặt.

- **Bệnh học miệng và hàm mặt I:** Học phần Bệnh học miệng và hàm mặt I gồm có 2 phần: Bệnh học răng và Bệnh học miệng. Bệnh học răng cung cấp những kiến thức về bệnh học, chẩn đoán và xử trí các bệnh lý răng và nhiễm trùng quanh chóp răng. Bệnh học miệng cung cấp những kiến thức về các tổn thương cơ bản vùng miệng, những biến dạng thông thường vùng miệng, dịch tễ học, bệnh học, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và dự phòng những bệnh niêm mạc miệng thường gặp.

- **Bệnh học miệng và hàm mặt II:** Học phần Bệnh học miệng và hàm mặt II cung cấp kiến thức về bệnh học của các bệnh vùng miệng và hàm mặt thường gặp bao gồm bệnh xương hàm, bệnh mô mềm vùng cổ mặt, bệnh tuyến nước bọt, bệnh cơ nhai và khớp thái dương hàm, bệnh hệ thần kinh vùng miệng mặt, bệnh mô lympho vùng cổ mặt, bệnh ngoài da và bệnh về máu biểu hiện vùng miệng. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp kiến thức về các thuốc thường dùng trong Răng – Hàm – Mặt, các biểu hiện vùng miệng của một số bệnh toàn thân quan trọng và thường gặp, nguy cơ tai biến và những lưu ý khi điều trị nha khoa cho những người có vấn đề sức khỏe toàn thân.

- **Bệnh học răng:** Môn học Bệnh Học Răng tập trung vào việc nghiên cứu các bệnh lý liên quan đến răng và mô quanh răng. Sinh viên sẽ tìm hiểu về nguyên nhân,

triệu chứng, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh như sâu răng, viêm nướu, bệnh nha chu và các rối loạn khác. Môn học này không chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết mà còn rèn luyện kỹ năng phân tích và đánh giá tình trạng bệnh lý, từ đó giúp sinh viên áp dụng vào thực tiễn lâm sàng để cải thiện sức khỏe răng miệng cho bệnh nhân.

- **Cẩn khớp:** Môn học Cẩn Khớp nghiên cứu về sự tương quan giữa các răng trên hàm trên và hàm dưới, cùng với các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng nhai và sự phát triển của hệ thống cắn khớp. Sinh viên sẽ học về các loại cắn khớp bình thường và bất thường, các rối loạn liên quan đến cắn khớp, và các phương pháp chẩn đoán cũng như điều trị. Môn học này đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện và can thiệp sớm các vấn đề liên quan đến cắn khớp, từ đó giúp cải thiện chức năng nhai và thẩm mỹ cho bệnh nhân.

- **Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng răng mặt:** Môn học Giải Phẫu Ứng Dụng và Phẫu Thuật Thực Hành Miệng Răng Mặt kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên hiểu sâu về cấu trúc giải phẫu của vùng miệng, răng và mặt, cùng với các kỹ thuật phẫu thuật cơ bản. Sinh viên sẽ nghiên cứu về các mô, dây thần kinh, mạch máu và các cấu trúc liên quan, đồng thời thực hành các kỹ thuật phẫu thuật như nhổ răng, điều trị các tổn thương và thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ. Môn học này trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để thực hiện các can thiệp phẫu thuật an toàn và hiệu quả trong lĩnh vực Răng – Hàm – Mặt.

- **Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt I:** Học phần Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt I cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên tắc, kỹ thuật và ứng dụng của các phương tiện X quang truyền thống và hiện đại kỹ thuật số trong nha khoa, sự an toàn bức xạ trong kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh. Phần thực hành trang bị cho sinh viên kỹ năng chụp phim quanh chóp các nhóm răng hàm trên và hàm dưới, hình ảnh bình thường, hình ảnh các tổn thương bệnh lý răng, nha chu và xương trên phim quanh chóp. Ngoài ra, học phần đề cập đến ảnh hưởng sinh học của bức xạ và an toàn bức xạ trong kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh.

- **Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt II:** Học phần Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt II cung cấp kiến thức và kỹ năng mô tả và phân tích hình ảnh hỗ trợ chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Răng – Hàm – Mặt thường gặp. Nội dung học phần bao gồm hình ảnh X quang truyền thống và kỹ thuật số (bao gồm X quang toàn cảnh, X quang ngoài mặt, chụp tuyến nước bọt có bơm thuốc cản quang, cone beam CT, CT và MRI) bình thường và một số bệnh lý thường gặp của xương hàm, khớp thái dương hàm, tuyến nước bọt; nguyên tắc, kỹ thuật và hình ảnh siêu âm vùng đầu cổ bình thường và của một số bệnh lý Răng – Hàm – Mặt thường gặp.

- **Phẫu thuật trong miệng 1:** Môn học Phẫu Thuật trong Miệng 1 tập trung vào các

kỹ thuật phẫu thuật cơ bản trong vùng miệng và hàm mặt. Sinh viên sẽ được học về các quy trình phẫu thuật như nhổ răng, cắt u, xử lý các tổn thương mô mềm và xương hàm, cũng như các biện pháp chăm sóc hậu phẫu. Môn học không chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết về chỉ định và kỹ thuật phẫu thuật mà còn chú trọng đến việc phát triển kỹ năng thực hành thông qua các buổi thực tập. Đây là nền tảng quan trọng để sinh viên áp dụng vào thực tiễn lâm sàng, đảm bảo an toàn và hiệu quả trong điều trị cho bệnh nhân.

- **Phẫu thuật trong miệng 2:** Môn học Phẫu Thuật trong Miệng 2 tiếp tục mở rộng kiến thức và kỹ năng phẫu thuật trong lĩnh vực Răng – Hàm – Mặt, tập trung vào các ca phẫu thuật phức tạp hơn so với Phẫu Thuật trong Miệng 1. Sinh viên sẽ nghiên cứu về các thủ thuật như phẫu thuật chỉnh hình xương hàm, phẫu thuật điều trị các u lành tính và ác tính trong khoang miệng, cũng như các kỹ thuật tái tạo mô mềm và xương. Môn học nhấn mạnh vào việc phát triển kỹ năng lâm sàng, bao gồm quản lý các tình huống khẩn cấp và chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật, giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho thực hành lâm sàng trong tương lai.

- **Phẫu thuật hàm mặt I, II, III:** Phẫu thuật hàm mặt là một chuyên ngành quan trọng trong ngành Răng – Hàm – Mặt, gồm có 3 phần: Phẫu thuật dị tật bẩm sinh hàm mặt, Phẫu thuật chấn thương hàm mặt và Phẫu thuật bệnh lý hàm mặt. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về dịch tễ học, bệnh sinh, lâm sàng, khám, chẩn đoán, phân loại và các phương pháp phẫu thuật điều trị dị tật khe hở môi - vòm miệng; dịch tễ học, lâm sàng, khám, chẩn đoán và xử trí các loại chấn thương hàm mặt đơn giản liên quan đến phân mềm và xương; khám, chẩn đoán và các phương pháp điều trị ngoại khoa các bệnh lý miệng và hàm mặt lành tính thường gặp trong Răng – Hàm – Mặt. Thực hành tiền lâm sàng cố định hàm, rạch và khâu vết thương phần mềm. Thực hành lâm sàng tại bệnh viện giúp sinh viên có được kiến thức và kỹ năng lâm sàng về thăm khám, chẩn đoán, xử trí và làm bệnh án về bệnh lý, chấn thương và dị tật vùng hàm mặt, kiến tập tiểu phẫu và phẫu thuật hàm mặt.

- **Chữa răng nội nha 1:** Môn học Chữa Răng Nội Nha 1 tập trung vào các nguyên lý và kỹ thuật điều trị các bệnh lý liên quan đến tủy răng và mô nha chu. Sinh viên sẽ học về chẩn đoán, điều trị và quản lý các vấn đề như viêm tủy, áp xe và các tình trạng liên quan đến tủy răng. Môn học bao gồm các kỹ thuật điều trị nội nha cơ bản, như lấy tủy, làm sạch và tạo hình ống tủy, cũng như các phương pháp phục hồi răng sau điều trị. Kiến thức từ môn học này là rất quan trọng để sinh viên có thể thực hiện các can thiệp điều trị nội nha an toàn và hiệu quả trong thực hành lâm sàng.

- **Chữa răng nội nha 2:** Môn học Chữa Răng Nội Nha 2 tiếp tục mở rộng kiến thức và kỹ năng trong điều trị nội nha, tập trung vào các kỹ thuật và phương pháp điều trị phức tạp hơn. Sinh viên sẽ nghiên cứu về các tình huống khó khăn trong nội nha như

điều trị răng nhiều ống tủy, các trường hợp viêm tủy mạn tính, và xử lý các biến chứng trong quá trình điều trị. Môn học cũng đề cập đến các công nghệ hiện đại trong chữa răng nội nha, bao gồm sử dụng hình ảnh chẩn đoán và vật liệu mới. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng thực hành lâm sàng và khả năng ra quyết định trong các tình huống điều trị phức tạp, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe răng miệng cho bệnh nhân.

- **Nha chu I, II:** Học phần Nha chu học gồm 2 nội dung: Lý thuyết: trang bị cho sinh viên kiến thức về giải phẫu và sinh lý mô nha chu, phân loại các bệnh nha chu, bệnh học viêm nướu, bệnh học viêm nha chu, mối liên quan giữa bệnh nha chu và bệnh toàn thân, dự phòng và điều trị bệnh nha chu ở người có vấn đề sức khỏe toàn thân, khám, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị nha chu, điều trị nha chu dự phòng và không phẫu thuật, điều trị phẫu thuật nha chu, xử trí khôn trong nha chu, điều trị tổn thương nội nha - nha chu và điều trị duy trì nha chu. Thực hành tiền lâm sàng và mô phỏng lâm sàng nha chu: trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về sử dụng thiết bị, dụng cụ và vật liệu sử dụng trong khám lâm sàng, chẩn đoán và điều trị nha chu, kỹ năng giao tiếp và hướng dẫn vệ sinh răng miệng, kỹ năng thăm khám nha chu, chỉ định các xét nghiệm cận lâm sàng, phát hiện và đánh giá các tình trạng bất thường và bệnh lý nha chu, từ đó xác định chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị nha chu, thực hiện điều trị nha chu không phẫu thuật và điều trị phẫu thuật nha chu cơ bản.

- **Phục hình tháo lắp:** Phần lý thuyết phục hình răng tháo lắp (PH RTL). Nội dung lý thuyết gồm hai phần. Phục hình răng tháo lắp bán hàm hay từng phần cung cấp kiến thức về cấu trúc PH RTL từng phần, khám, chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và quy trình thực hiện các PH RTL từng phần nền nhựa và hàm khung cho trường hợp mất răng từng phần, sửa chữa PH RTL từng phần. Phục hình răng tháo lắp toàn hàm hay toàn phần cung cấp kiến thức về quy trình khám, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị trường hợp mất răng toàn bộ với PH RTL và cách sửa chữa PH RTL toàn hàm. Phần thực hành tiền lâm sàng phục hình răng tháo lắp (PH RTL), kiến tập và phụ tá phục hình răng trên lâm sàng. Thực hành tiền lâm sàng gồm 2 phần. Tiền lâm sàng PH RTL bán hàm hay từng phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng labo thực hiện PH RTL từng phần trên nền nhựa và trên hàm khung cho trường hợp mất răng từng phần. Tiền lâm sàng PH RTL toàn hàm trang bị kỹ năng thực hiện PH RTL ở hai hàm. Phân kiến tập và phụ tá phục hình răng trên lâm sàng giúp sinh viên chuẩn bị tốt kỹ năng lâm sàng điều trị phục hình răng.

- **Phục hình cố định I, II:** Phần lý thuyết phục hình răng cố định: trang bị cho sinh viên kiến thức về các loại hình phục hình răng cố định và chỉ định, về khám, chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và quy trình thực hiện phục hình răng cố định trong labo và trên lâm sàng, cách sửa chữa phục hình răng cố định. Phần thực hành tiền lâm sàng phục

hình răng cố định: kiên tập và phụ tá phục hình răng trên lâm sàng. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện mào răng và cầu răng trên đầu mô hình và trong labo.

- **Răng trẻ em 1:** Môn học Răng Trẻ Em 1 tập trung vào sự phát triển và chăm sóc răng miệng cho trẻ em từ giai đoạn sơ sinh đến khi trưởng thành. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các đặc điểm giải phẫu và sinh lý của răng và mô quanh răng ở trẻ, các vấn đề thường gặp như sâu răng trẻ em, bệnh nướu, và các rối loạn phát triển răng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh lý răng miệng ở trẻ em, cùng với các phương pháp giáo dục và tư vấn cho phụ huynh về chăm sóc răng miệng. Qua đó, sinh viên sẽ nắm vững các nguyên tắc và kỹ thuật cần thiết để thực hiện hiệu quả các can thiệp nha khoa cho trẻ em.

- **Răng trẻ em 2:** Môn học Răng Trẻ Em 2 tiếp tục đào sâu vào các khía cạnh điều trị và quản lý sức khỏe răng miệng cho trẻ em, tập trung vào các trường hợp phức tạp và các kỹ thuật điều trị nâng cao. Sinh viên sẽ nghiên cứu về các vấn đề nha khoa đặc biệt trong trẻ em như cắn khớp bất thường, các phương pháp điều trị chỉnh nha, và chăm sóc răng miệng cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt. Môn học cũng đề cập đến các kỹ thuật phục hồi và phòng ngừa, cũng như cách tư vấn cho phụ huynh về chế độ dinh dưỡng và thói quen chăm sóc răng miệng cho trẻ. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng lâm sàng và khả năng đưa ra các quyết định điều trị phù hợp để nâng cao chất lượng sức khỏe răng miệng cho trẻ em.

- **Nắn chỉnh răng:** Học phần Chỉnh hình răng mặt gồm hai nội dung: Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản trong chỉnh hình răng mặt: bao gồm khám, chẩn đoán và điều trị chỉnh hình những trường hợp lệch lạc về răng hàm đơn giản, chỉnh hình răng mặt can thiệp sớm những bất thường về sự phát triển răng và sai khớp cắn, chỉnh hình răng mặt phòng ngừa những lệch lạc về răng hàm và vấn đề tái phát trong chỉnh hình răng mặt. Phần thực hành tiền lâm sàng Chỉnh hình răng mặt: trang bị cho sinh viên kỹ năng về thăm khám và phân tích trường hợp có chỉ định chỉnh hình răng mặt, phân tích mẫu hàm và phân tích phim sọ nghiêng, kiên tập các loại khí cụ chỉnh hình răng mặt, thực hiện và điều chỉnh một số loại khí cụ chỉnh hình răng mặt đơn giản trong labo.

- **Nha khoa công cộng:** Học phần Nha khoa công cộng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sức khỏe răng miệng cộng đồng bao gồm dịch tễ học bệnh răng miệng, phương pháp khám điều tra và chẩn đoán sức khỏe răng miệng cộng đồng, phương pháp xây dựng, phát triển và quản lý các chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng cộng đồng và các phương pháp thực hành nha khoa công cộng. Nha khoa dự phòng cung cấp kiến thức về phòng ngừa các bệnh răng miệng bao gồm các nguyên tắc và các chương trình dự phòng các bệnh răng miệng, phương pháp và vật liệu phòng ngừa bệnh sâu răng và bệnh nha chu cho cá nhân và cộng đồng. Thực hành đi thực tế

cộng đồng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng xây dựng, phát triển và quản lý các chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng cộng đồng, kỹ năng khám, điều tra sức khỏe răng miệng trong cộng đồng, thực hiện trám bít hố rãnh phòng ngừa sâu răng vĩnh viễn và làm máng fluor phòng ngừa sâu răng.

- **Nha khoa cây ghép:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của cây ghép implant nha khoa và phục hình răng trên cây ghép nha khoa (CGNK). Nội dung lý thuyết học phần bao gồm nguyên tắc, chỉ định và chống chỉ định của điều trị CGNK cho các trường hợp mất răng đơn lẻ, các loại thiết bị, dụng cụ và vật liệu CGNK, phân tích hình ảnh chẩn đoán trong CGNK, quy trình đặt implant nha khoa, chọn lựa loại phục hình và loại trụ phục hình, cùng nguyên tắc, kỹ thuật thực hiện và chăm sóc duy trì phục hình răng trên implant cho trường hợp mất răng đơn lẻ. Thực hành tiền lâm sàng cấy ghép nha khoa trang bị kỹ năng về sử dụng và bảo trì thiết bị, dụng cụ và vật liệu trong CGNK, tổ chức làm việc nhóm, phòng mổ và vô trùng, các hệ thống implant, đánh giá vùng cần cấy ghép trên hình ảnh cone beam CT, xác định kích thước implant, phân tích vị trí cần cấy ghép và vị trí implant trên mẫu hàm, thực hiện một số bước cấy ghép implant đơn lẻ trên mô hình.

- **Mô phỏng lâm sàng phẫu thuật trong miệng:** Môn học Mô Phỏng Lâm Sàng Phẫu Thuật trong Miệng cung cấp cho sinh viên trải nghiệm thực hành thông qua các tình huống mô phỏng liên quan đến phẫu thuật trong khoang miệng. Sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng phẫu thuật cơ bản và nâng cao, bao gồm quản lý bệnh nhân, chuẩn bị dụng cụ, và thực hiện các thủ thuật phẫu thuật trong môi trường an toàn. Môn học sử dụng các mô hình và công nghệ mô phỏng để tạo điều kiện cho sinh viên thực hành và cải thiện kỹ năng trước khi tham gia vào các ca phẫu thuật thực tế. Điều này giúp nâng cao sự tự tin và khả năng ra quyết định của sinh viên trong thực hành lâm sàng, đồng thời đảm bảo an toàn cho bệnh nhân.

- **Mô phỏng lâm sàng nội nha:** Môn học Mô Phỏng Lâm Sàng Nội Nha tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng thực hành trong lĩnh vực nội nha thông qua các tình huống mô phỏng. Sinh viên sẽ được trải nghiệm quy trình chẩn đoán và điều trị các bệnh lý liên quan đến tủy răng, như lấy tủy, làm sạch và tạo hình ống tủy, cũng như phục hồi răng sau điều trị. Môn học sử dụng các mô hình và công nghệ mô phỏng hiện đại, giúp sinh viên thực hành các kỹ thuật và phương pháp điều trị trong môi trường an toàn, từ đó nâng cao sự tự tin và khả năng ra quyết định trong thực hành lâm sàng. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng chuyên môn và chuẩn bị tốt hơn cho các ca điều trị thực tế.

- **Mô phỏng lâm sàng phục hình răng:** Môn học Mô Phỏng Lâm Sàng Phục Hình Răng cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành các kỹ thuật phục hình trong môi trường mô phỏng. Sinh viên sẽ học cách thiết kế và chế tác các phục hình như răng giả, cầu

răng, và mào răng thông qua việc sử dụng công nghệ và vật liệu hiện đại. Môn học giúp sinh viên nắm vững quy trình từ chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị đến thực hiện và theo dõi phục hình. Bằng cách sử dụng mô hình và công nghệ mô phỏng, sinh viên có thể cải thiện kỹ năng thực hành, từ đó tự tin hơn khi áp dụng vào thực tế lâm sàng và đảm bảo chất lượng điều trị cho bệnh nhân.

- **Mô phỏng lâm sàng cắn khớp:** Môn học Mô Phỏng Lâm Sàng Cắn Khớp tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng chẩn đoán và điều trị các vấn đề liên quan đến cắn khớp thông qua các tình huống mô phỏng. Sinh viên sẽ được học về cấu trúc và chức năng của cắn khớp, các phương pháp đánh giá và phân tích tình trạng cắn khớp, cũng như các kỹ thuật điều chỉnh cắn khớp. Môn học sử dụng công nghệ mô phỏng để tạo ra các tình huống thực tế, giúp sinh viên thực hành kỹ năng lâm sàng trong môi trường an toàn và hiệu quả. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển sự tự tin và khả năng ra quyết định trong việc xử lý các tình huống cắn khớp phức tạp, đảm bảo cải thiện chức năng nhai và thẩm mỹ cho bệnh nhân.

- **Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I:** Học phần thực hành lâm sàng gồm có 2 phần. Lâm sàng khám, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị Răng – Hàm – Mặt: trang bị cho sinh viên các kỹ năng lâm sàng về khám chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt, phát hiện và đánh giá các tổn thương và rối loạn chức năng, chỉ định cận lâm sàng, chụp phim quanh chóp và phân tích kết quả, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định và lập kế hoạch điều trị, thông báo cho người bệnh và thân nhân người bệnh về sức khỏe và bệnh tật của người bệnh và hướng dẫn điều trị. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng kê đơn thuốc, thực hiện bệnh án, trình ca bệnh, giao ban chuyên môn, hội chẩn. Lâm sàng gây tê và nhổ răng: trang bị cho sinh viên các kỹ năng lâm sàng về gây tê tại chỗ, nhổ các răng vĩnh viễn một chân, dự phòng và xử trí các tai biến xảy ra khi gây tê và nhổ răng, chăm sóc sau nhổ răng.

- **Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II:** Học phần thực hành lâm sàng gồm có 2 phần. Lâm sàng bệnh lý miệng và hàm mặt: sinh viên kiến tập lâm sàng các bệnh lý ung bướu vùng đầu cổ và Răng – Hàm – Mặt, tiếp cận người bệnh, áp dụng những kiến thức đã học vào trong thực tế lâm sàng, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám lâm sàng, phát hiện tổn thương, đánh giá tình trạng bệnh và tổng trạng, chỉ định cận lâm sàng và phân tích kết quả, chẩn đoán, đề nghị hướng xử trí và tiên lượng bệnh, áp dụng tư duy phân biện trong chẩn đoán và xử trí, thực hiện bệnh án bệnh học miệng và hàm mặt. Lâm sàng nhổ răng và phẫu thuật miệng: trang bị cho sinh viên các kỹ năng lâm sàng về gây tê và nhổ các răng vĩnh viễn phức tạp, dự phòng và xử trí tai biến khi gây tê và nhổ răng, thực hiện bệnh án phẫu thuật miệng, kiến tập và phụ mổ phẫu thuật răng miệng, chăm sóc sau nhổ răng và phẫu thuật miệng.

- **Thực hành nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt I, II:** Học phần Thực hành nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt I và II giúp sinh viên bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng hình thành ý tưởng nghiên cứu, thực hiện chuyên đề tổng quan về vấn đề nghiên cứu và viết đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực Răng – Hàm – Mặt. Học phần này dành cho những sinh viên giỏi, xuất sắc có định hướng nghiên cứu và được chọn làm khóa luận tốt nghiệp.

- **Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật chuyên sâu I, II:** Các học phần tự chọn Nha khoa bệnh lý và Phẫu thuật chuyên sâu được thiết kế dành cho sinh viên Răng – Hàm – Mặt năm cuối định hướng các chuyên ngành của cụm Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật. Học phần Nha khoa bệnh lý và Phẫu thuật chuyên sâu I chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt giúp sinh viên củng cố, bổ sung và cập nhật kiến thức và kỹ năng về Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt hiện đại và ứng dụng trong các chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt. Học phần Nha khoa bệnh lý và Phẫu thuật chuyên sâu II chuyên ngành Bệnh học miệng và hàm mặt giúp sinh viên củng cố, bổ sung và cập nhật kiến thức và kỹ năng về Chẩn đoán bệnh lý miệng và hàm mặt, y học miệng, kỹ năng tiền lâm sàng, lâm sàng về Phẫu thuật miệng và Phẫu thuật hàm mặt.

- **Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu I, II:** Các học phần tự chọn Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu được thiết kế dành cho sinh viên Răng – Hàm – Mặt năm cuối định hướng các chuyên ngành của cụm Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ. Học phần Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu I chuyên ngành Chữa răng - Nội nha giúp sinh viên củng cố, bổ sung và cập nhật kiến thức và kỹ năng tiền lâm sàng, lâm sàng về Chữa răng và Nội nha. Học phần Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu II chuyên ngành Nha chu giúp sinh viên củng cố, bổ sung và cập nhật kiến thức và kỹ năng tiền lâm sàng, lâm sàng về Dự phòng và điều trị bệnh nha chu, phục hình răng tháo lắp và Phục hình răng cố định.

- **Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu I, II:** Các học phần tự chọn Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu được thiết kế dành cho sinh viên Răng – Hàm – Mặt năm cuối định hướng các chuyên ngành của cụm Nha khoa dự phòng và phát triển. Học phần Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu I và II gồm:

+ Chuyên ngành Nha khoa trẻ em và Nha khoa dự phòng bổ sung và cập nhật kiến thức và kỹ năng tiền lâm sàng, lâm sàng về Nha khoa trẻ em và Nha khoa dự phòng.

+ Chuyên ngành Chính hình răng mặt giúp sinh viên củng cố, bổ sung và cập nhật kiến thức và kỹ năng tiền lâm sàng, lâm sàng về Chính hình răng mặt dự phòng và can thiệp với các khí cụ chỉnh hình răng mặt tháo lắp và cố định.

- **Tổng hợp kiến thức Răng – Hàm – Mặt:** Học phần Tổng hợp kiến thức Răng

– Hàm – Mặt là một học phần tốt nghiệp và là học phần lý thuyết cuối cùng trong chương trình đào tạo Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt qua 6 năm học. Học phần này được thiết kế đặc biệt, giúp sinh viên ôn tập, tổng hợp có hệ thống và tích hợp các kiến thức đã học trong chương trình đào tạo trước khi tốt nghiệp nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn năng lực và chuẩn đầu ra bác sĩ Răng – Hàm – Mặt.

- **Tổng hợp kỹ năng Răng – Hàm – Mặt:** Học phần Tổng hợp kỹ năng Răng – Hàm – Mặt là một học phần tốt nghiệp và là học phần thực hành cuối cùng trong chương trình đào tạo Bác sĩ Răng – Hàm – Mặt qua 6 năm học. Học phần này được thiết kế đặc biệt, giúp sinh viên ôn tập và rèn luyện tổng quát các kỹ năng tiền lâm sàng và lâm sàng quan trọng đã học trong chương trình đào tạo trước khi tốt nghiệp nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn năng lực và chuẩn đầu ra bác sĩ Răng – Hàm – Mặt.

- **Lâm sàng phục hình tháo lắp:** Môn học Lâm Sàng Phục Hình Tháo Lắp tập trung vào việc chẩn đoán, thiết kế và thực hiện các phục hình tháo lắp cho bệnh nhân, như răng giả tháo lắp toàn bộ hoặc một phần. Sinh viên sẽ học về quy trình từ việc đánh giá tình trạng răng miệng, lấy dấu, đến việc chế tạo và lắp đặt phục hình. Môn học cũng bao gồm việc quản lý và theo dõi bệnh nhân sau khi lắp phục hình để đảm bảo sự thoải mái và hiệu quả chức năng. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng lâm sàng và kiến thức cần thiết để cung cấp dịch vụ chăm sóc răng miệng chất lượng, góp phần cải thiện sức khỏe và thẩm mỹ cho bệnh nhân.

- **Lâm sàng phục hình cố định:** Môn học Lâm Sàng Phục Hình Cố Định tập trung vào việc thiết kế, chế tạo và lắp đặt các phục hình răng cố định, như mão, cầu răng và implant. Sinh viên sẽ học quy trình từ chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị đến việc lấy dấu và lắp đặt phục hình. Môn học cũng bao gồm việc kiểm tra và theo dõi tình trạng phục hình sau khi lắp đặt để đảm bảo chức năng và thẩm mỹ cho bệnh nhân. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng lâm sàng và hiểu biết sâu sắc về các vật liệu, kỹ thuật và quy trình liên quan đến phục hình cố định, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe răng miệng.

- **Lâm sàng chữa răng - nội nha 1:** Môn học Lâm Sàng Chữa Răng - Nội Nha 1 tập trung vào việc chẩn đoán và điều trị các bệnh lý liên quan đến tủy răng và mô quanh răng. Sinh viên sẽ học cách thực hiện các thủ thuật cơ bản trong nội nha, bao gồm lấy tủy, làm sạch ống tủy, và tạo hình ống tủy. Môn học cũng cung cấp kiến thức về các vấn đề thường gặp trong nội nha, như viêm tủy và áp xe. Qua việc thực hành lâm sàng, sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thực hiện các quy trình điều trị một cách an toàn và hiệu quả, từ đó chuẩn bị tốt cho việc chăm sóc sức khỏe răng miệng cho bệnh nhân trong tương lai.

- **Lâm sàng chữa răng - nội nha 2:** Môn học Lâm Sàng Chữa Răng - Nội Nha 2 tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng trong điều trị nội nha, tập trung vào các tình huống phức

tập hơn so với Lâm Sàng Chữa Răng - Nội Nha 1. Sinh viên sẽ nghiên cứu và thực hành các kỹ thuật điều trị cho những trường hợp khó khăn, như điều trị răng nhiều ống tủy, xử lý các biến chứng trong quá trình điều trị và áp dụng công nghệ hiện đại trong nội nha. Môn học cũng bao gồm việc quản lý các bệnh nhân có bệnh lý phức tạp và phát triển khả năng đưa ra quyết định lâm sàng. Qua đó, sinh viên sẽ nâng cao kỹ năng thực hành và sự tự tin trong việc cung cấp dịch vụ nội nha chất lượng cho bệnh nhân.

- **Lâm sàng nha chu 1:** Môn học Lâm Sàng Nha Chu 1 tập trung vào việc chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh lý liên quan đến mô nha chu, bao gồm viêm nướu và bệnh nha chu. Sinh viên sẽ học về các phương pháp đánh giá tình trạng sức khỏe nha chu, thực hiện các kỹ thuật điều trị như làm sạch răng, cạo vôi và điều trị viêm nướu. Môn học cũng cung cấp kiến thức về cơ chế bệnh sinh và các yếu tố nguy cơ liên quan đến bệnh nha chu. Qua việc thực hành lâm sàng, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng cần thiết để cải thiện sức khỏe răng miệng cho bệnh nhân và hiểu rõ vai trò quan trọng của mô nha chu trong toàn bộ sức khỏe răng miệng.

- **Lâm sàng nha chu 2:** Môn học Lâm Sàng Nha Chu 2 mở rộng kiến thức và kỹ năng trong điều trị các bệnh lý nha chu phức tạp hơn so với Lâm Sàng Nha Chu 1. Sinh viên sẽ nghiên cứu về các phương pháp điều trị nâng cao, bao gồm phẫu thuật nha chu, cấy ghép mô, và điều trị các trường hợp bệnh nha chu nặng. Môn học cũng đề cập đến việc quản lý các bệnh nhân có tình trạng nha chu mãn tính và sự ảnh hưởng của các yếu tố toàn thân đến sức khỏe nha chu. Thông qua thực hành lâm sàng, sinh viên sẽ phát triển khả năng đưa ra các quyết định điều trị hiệu quả và tăng cường kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, từ đó nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe răng miệng.

- **Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển:** Học phần thực hành lâm sàng trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp, thăm khám lâm sàng, chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị, thực hiện các thủ thuật điều trị và dự phòng các bệnh lý răng miệng thường gặp cho trẻ em trên lâm sàng. Sinh viên cũng được thực hiện thu thập dữ liệu cần thiết cho chỉnh hình răng mặt và thực hiện các khí cụ tháo lắp để điều trị trường hợp sai khớp cắn đơn giản.

- **Nha khoa cho người tàn tật và lão nha:** Môn học Nha Khoa cho Người Tàn Tật và Lão Nha tập trung vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để chăm sóc sức khỏe răng miệng cho các đối tượng có nhu cầu đặc biệt, bao gồm người khuyết tật và người cao tuổi. Sinh viên sẽ học về các vấn đề sức khỏe răng miệng thường gặp ở nhóm đối tượng này, cách chẩn đoán, điều trị và quản lý các tình huống phức tạp liên quan đến sức khỏe răng miệng của họ. Môn học cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giao tiếp hiệu quả và tạo môi trường thoải mái cho bệnh nhân, nhằm nâng cao trải nghiệm và kết quả điều trị. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng lâm sàng và nhạy bén trong việc chăm

sóc sức khỏe răng miệng cho các nhóm người dễ bị tổn thương.

- **Ghi hình Răng – Hàm – Mặt:** Học phần Ghi hình Răng – Hàm – Mặt trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về chụp ảnh nha khoa và ghi hình Răng – Hàm – Mặt để sinh viên ghi nhận được những hình ảnh ngoài mặt và trong miệng của người bệnh trên lâm sàng, hình ảnh các mẫu vật nha khoa đạt chất lượng cao và mỹ thuật. Ngoài ra, sinh viên được tiếp cận những kỹ thuật ghi hình kỹ thuật số trong khám lâm sàng vùng miệng và nha khoa phục hồi.

- **Nha khoa hiện đại:** Học phần Nha khoa hiện đại được thiết kế nhằm giúp sinh viên tiếp cận với một số phương pháp, kỹ thuật và vật liệu cập nhật nhất và khá phổ biến trong chẩn đoán và điều trị Răng – Hàm – Mặt /Nha khoa.

- **Quản trị thực hành nha khoa:** Môn học Quản Trị Thực Hành Nha Khoa cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý và điều hành một phòng khám nha khoa hiệu quả. Sinh viên sẽ học về các khía cạnh quản lý như lập kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính, nhân sự và marketing trong lĩnh vực nha khoa. Môn học cũng đề cập đến việc đảm bảo chất lượng dịch vụ, kiểm soát lây nhiễm và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hành nghề nha khoa. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển khả năng lãnh đạo và kỹ năng quản lý, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng khám và cải thiện trải nghiệm của bệnh nhân.

- **Phương pháp nghiên cứu khoa học Răng – Hàm – Mặt:** Môn học Phương Pháp Nghiên Cứu khoa học Răng – Hàm – Mặt trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực Răng – Hàm – Mặt. Sinh viên sẽ học về các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, cũng như cách trình bày kết quả nghiên cứu. Môn học cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn lâm sàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe răng miệng. Qua đó, sinh viên sẽ phát triển khả năng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành Răng – Hàm – Mặt.

- **Kiểm soát đau và vô cảm:** Môn học Kiểm Soát Đau và Vô Cảm tập trung vào các nguyên tắc và kỹ thuật để kiểm soát đau và đảm bảo sự thoải mái cho bệnh nhân trong quá trình điều trị nha khoa. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các phương pháp vô cảm, bao gồm gây tê tại chỗ, gây mê toàn thân và các biện pháp hỗ trợ tâm lý. Môn học cũng đề cập đến cách đánh giá mức độ đau của bệnh nhân, lựa chọn phương pháp kiểm soát đau phù hợp và quản lý các tác dụng phụ có thể xảy ra. Qua việc thực hành và nghiên cứu các tình huống lâm sàng, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng cần thiết để đảm bảo trải nghiệm điều trị an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân, đồng thời nâng cao sự tự tin trong thực hành nha khoa.

- **Khóa luận tốt nghiệp:** Điểm trung bình toàn khóa từ 7.0 trở lên, lấy 20% tổng

số sinh viên trong toàn khóa, lấy điểm từ cao xuống thấp. Môn học này định hướng cho sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp cử nhân điều dưỡng trong phạm vi các lĩnh vực chăm sóc người bệnh tại bệnh viện như: chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa, ngoại khoa, cấp cứu và hồi sức tích cực, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- **Học phần tự chọn(Thay thế khóa luận tốt nghiệp):** Khóa luận tốt nghiệp là học phần tự chọn cuối khóa, dành cho sinh viên có thành tích học tập tính từ đầu khóa học đạt loại giỏi (3.20 trở lên hoặc có 6 học kỳ cuối đạt loại giỏi), tích lũy từ 70-80% kiến thức ngành học và không còn nợ học phần nào, không bị kỷ luật, không bị gián đoạn trong quá trình học và có chủ đề khóa luận phù hợp ngành học (được hội đồng khoa học duyệt). Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng thành lập nhóm nghiên cứu, hình thành ý tưởng nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khóa luận tốt nghiệp.

IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: Giảng viên sử dụng đa dạng trong việc giúp sinh viên tiếp nhận kiến thức và đánh giá năng lực của sinh viên một cách phù hợp trong từng học phần. Dạy trực tiếp: giải thích cụ thể, thuyết giảng, tham luận. Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống. Dạy học tương tác: tranh luận, thảo luận.

- Thực hành: Hoạt động tham quan thực hành tại các bệnh viện, giảng viên làm mẫu trên mô hình.

9.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên chuẩn bị đọc nội dung bài giảng trước, tham gia các hoạt động trên lớp học phát biểu, thảo luận, làm bài lượng giá, làm kiểm tra. Học trải nghiệm: mô hình, thực tập, thực tế.

- Thực hành: Sinh viên tham quan các bệnh viện, thực hành các thao tác trên mô hình, làm kiểm tra các kỹ thuật đã học.

9.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn:

- Ghi chép đầy đủ và cẩn thận viết lại nhiều lần trên giấy, vẽ sơ đồ hệ thống, đọc to, đọc thầm. Tự học sẽ gắn liền với việc tự kiểm tra kiến thức bản thân. Làm bài tập ở nhà. Mỗi một kiến thức được học, sinh viên cần hiện rõ và hiểu sâu để nắm vững. Ngoài ra, cũng cần thường xuyên ôn lại những gì đã học. Để học tập hiệu quả thì sinh viên phải kiên trì và nhẫn nại trong một thời gian dài.

X. PHƯƠNG PHÁP THI, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

- Thực hiện theo Quy chế thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Trường

XI. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC THEO KỲ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Học kỳ I: 14 tín chỉ (Bắt buộc: 14 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			14								
1	00113014	Anh văn 1	3	3	0	3		150	45	0	105
2	00113005	Giáo dục thể chất (*)	3	0	3	3		90	0	90	0
3	24112004	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	0	2		100	30	0	70
4	24112001	Sinh học và di truyền	2	1	1	2		100	15	30	55
5	24112002	Hóa học	2	2	0	2		100	30	0	70
6	24112039	Giải phẫu I	2	1	1	2		100	15	30	55
7	24112027	Lý sinh	3	2	1	3		150	30	30	90
Học kỳ II: 18 tín chỉ (Bắt buộc: 18 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			18								
1	13113003	Pháp luật đại cương	2	2	0	2		100	30	0	70
2	00118004	Giáo dục quốc phòng (*)	8*	8*	0	8*					
3	00113015	Tiếng Anh 2	3	3	0	3		150	45	0	105
4	24112041	Mô phôi	2	1	1	2		100	15	30	55
5	24112037	Phương pháp nghiên cứu khoa học Răng – Hàm – Mặt	2	2	0	2		100	30	0	70
6	24113027	Giải phẫu II	3	2	1	3		150	30	30	90
7	24113026	Sinh lý học	3	2	1	3		200	30	30	125
8	24112040	Hóa sinh học	2	2	0	2		200	30	30	125
9	24111013	Sinh lý răng miệng	1	1	0	1		50	15	0	35
Học kỳ III: 20 tín chỉ (Bắt buộc: 18 tín chỉ; Tự chọn: 2 TC)			20								
1	24112044	Tổ chức và quản lý hành nghề Răng – Hàm – Mặt	2	2	0	2		100	30	0	70
2	00113016	Tiếng Anh 3	3	3	0	3		150	45	0	105
3	24112009	Vi sinh	2	1	1	2		100	15	30	55
4	24111001	Ký sinh trùng	1	1	0	1		50	15	0	35
5	24112047	Gây mê, hồi sức cấp cứu Răng – Hàm – Mặt	2	1	1	2		100	15	30	55
6	24112038	Tiếng anh chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt	3	3	0	3		150	45	0	105
7	24115003	Giải phẫu răng	5	2	3	5		200	30	90	80
Học phần tự chọn											
1	24112045	Giải phẫu cắt lớp	2	1	1	2		100	15	30	55

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
2	24112046	Phẫu thuật thực hành	2	1	1	2		100	15	30	55
Học kỳ IV: 19 tín chỉ (Bắt buộc: 19 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			19								
1	13113010	Triết học Mác- Lênin	3	3	0	3		150	45	0	105
2	24113029	Dược lý	3	2	1	3		150	30	30	90
3	24112042	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2		100	15	30	55
4	00113021	Tiếng Anh 4	3	3	0	3		150	45	0	105
5	24111012	Nhân khoa	1	1	0	1		50	15	0	35
6	24112043	Da liễu	1	1	0	1		50	15	0	35
7	24114012	Nội khoa	4	3	1	4		200	45	30	125
8	24112048	Mô phôi răng miệng	2	1	1	2		100	15	30	55
Học kỳ V: 20 tín chỉ (Bắt buộc: 20 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			20								
1	00112006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2		100	30	0	70
2	00112001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		100	30	0	70
3	24114013	Ngoại Khoa	4	3	1	4		150	45	30	75
4	24112050	Bệnh học miệng và hàm mặt I	2	2	0	2		100	30	0	70
5	24113030	Vật liệu - Thiết bị nha khoa	3	2	1	3		150	30	30	90
6	24112049	Kiểm soát lây nhiễm trong Răng – Hàm – Mặt	2	1	1	2		100	15	30	55
7	24112054	Chẩn đoán hình ảnh Răng – Hàm – Mặt 1	2	1	1	2		100	15	30	55
8	00113022	Tiếng Anh 5	3	3	0	3		150	45	0	105
Học kỳ VI: 19 tín chỉ (Bắt buộc: 19 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			19								
1	00112008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		100	30	0	70
2	00112021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		100	30	0	70
3	24112051	Bệnh học miệng và hàm mặt II	2	2	0	2		100	30	0	70
4	24112055	Chẩn đoán hình Răng – Hàm – Mặt II	2	1	1	2		100	15	30	55
5	24114014	Phẫu thuật trong miệng 1	4	2	2	4		200	30	60	110
6	24111014	Bệnh học răng	1	1	0	1		50	15	0	35
7	24112052	Cẩn khớp	2	2	0	2		100	30	0	70

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
8	24112053	Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng hàm mặt	2	1	1	2		100	15	30	55
9	24112056	Phẫu thuật hàm mặt I (dị tật bẩm sinh)	2	1	1	2		100	15	30	55
Học kỳ VII: 20 tín chỉ (Bắt buộc: 20 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			20								
1	24111010	Y học cổ truyền	1	1	0	1		50	15	0	35
2	24113033	Phục hình cố định 1	3	1	2	1		150	15	60	75
3	24111011	Tai mũi họng	1	1	0	1		50	15	0	35
4	24112057	Phẫu thuật hàm mặt II (chấn thương)	2	1	1	2		100	15	30	55
5	24114015	Phẫu thuật trong miệng 2	4	2	2	4		200	30	60	110
6	24113031	Nha chu 1	3	1	2	3		150	15	60	75
7	24114018	Phục hình tháo lắp	4	2	2	4		200	30	60	110
8	24112059	Nha khoa cấy ghép	2	1	1	1		100	15	30	55
Học kỳ VIII: 20 tín chỉ (Bắt buộc: 20 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			20								
1	24112078	Nhi khoa	2	2	0	2		100	30	0	70
2	24113034	Phục hình cố định 2	3	1	2	3		150	15	60	75
3	24111015	Mô phỏng lâm sàng phẫu thuật trong miệng	1	1	0	1		50	15	0	35
4	24114019	Răng trẻ em 1	4	2	2	4		200	30	60	110
5	24114023	Mô phỏng lâm sàng phục hình răng	3	0	3	3		200	0	90	110
6	24111016	Mô phỏng lâm sàng nội nha	1	0	1	1		90	0	30	60
7	24112060	Mô phỏng lâm sàng cấy khớp	2	0	2	2		150	0	60	90
8	24114017	Chữa răng nội nha 1	4	1	3	4		200	15	120	65
Học kỳ IX: 15 tín chỉ (Bắt buộc: 15 tín chỉ; Tự chọn: 2 TC)			15								
1	24113032	Nha chu 2	3	1	2	3		150	15	60	75
2	24114020	Răng trẻ em 2	4	2	2	4		200	30	60	110
3	24112058	Phẫu thuật hàm mặt III (u lành tính vùng hàm mặt)	2	1	1	2		100	15	30	55
4	24114016	Chữa răng nội nha 2	4	1	3	4		200	15	120	65
5	24112064	Lâm sàng chữa răng - nội nha I	2	0	2	2		100	0	60	40

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Học kỳ X: 23 tín chỉ (Bắt buộc: 14 tín chỉ; Tự chọn: 9 TC)			23								
1	24112065	Lâm sàng chữa răng - nội nha II	2	0	2	2		100	0	60	40
2	24112063	Lâm sàng phục hình cố định	2	0	2	2		100	0	60	40
3	24112061	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật I	2	0	2	2		100	0	60	40
4	24114022	Nha khoa công cộng	4	2	2	4		200	30	60	110
5	24114021	Nắn chỉnh răng	4	2	2	4		200	30	60	110
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 4 học phần)			9								
1	24113036	Nha khoa cho người tàn tật và lão nha	3	2	1		3	150	30	30	90
2	24113038	Nha khoa hiện đại	3	2	1		3	150	30	30	90
3	24112069	Kiểm soát đau và vô cảm	3	2	1		3	150	30	30	90
4	24113037	Ghi hình (chụp ảnh và quay video) trong Răng - Hàm - Mặt	3	1	2		3	150	15	60	75
Học kỳ XI: 13 tín chỉ (Bắt buộc: 9 tín chỉ; Tự chọn: 4 TC)											
1	24112062	Lâm sàng nha khoa bệnh lý và phẫu thuật II	2	0	2	2		100	0	60	40
2	24113035	Lâm sàng phục hình tháo lắp	3	0	3	3		150	0	90	60
3	24111017	Lâm sàng nha chu I	1	0	1	1		60	0	30	30
4	24111018	Lâm sàng nha chu II	1	0	1	1		60	0	30	30
5	24112066	Lâm sàng nha khoa dự phòng và phát triển	2	0	2	2		100	0	60	40
Module tự chọn: Định hướng chuyên sâu			4								
Chọn 1 trong 4 module:			4								
Module tự chọn 1: Nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt											
1	24112070	Thực hành nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt 1	2	0	2	2		100	0	60	40
2	24112071	Thực hành nghiên cứu Răng – Hàm – Mặt 2	2	0	2	2		100	0	60	40
Module tự chọn 2: Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật chuyên sâu											
1	24112072	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật chuyên sâu I	2	0	2	2		100	0	60	40

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
2	24112073	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật chuyên sâu II	2	0	2	2		100	0	60	40
<i>Module tự chọn 3: Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu</i>											
1	24112074	Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu I	2	0	2	2		100	0	60	40
2	24112075	Nha khoa phục hồi và thẩm mỹ chuyên sâu II	2	0	2	2		100	0	60	40
<i>Module tự chọn 4: Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu</i>											
1	24112076	Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu I	2	0	2	2		100	0	60	40
2	24112077	Nha khoa dự phòng và phát triển chuyên sâu II	2	0	2	2		100	0	60	40
Học kỳ XII: 4 tín chỉ (Bắt buộc: 4 tín chỉ; Tự chọn: 0 TC)			4		4						
Học phần cuối khoá			4	0	4	4		300	0	120	180
1	24114024	Khóa luận tốt nghiệp	4	0	4	4		300	0	120	180
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2 học phần)			4								
1	24114025	Tổng hợp kiến thức ngành Răng – Hàm – Mặt	4	4	0	0	4	200	60	0	140
2	24114026	Tổng hợp kỹ năng ngành Răng – Hàm – Mặt	4	0	4	0	4	300	0	120	180

IX. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1 Quy trình đào tạo

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi học phần và toàn bộ khóa học, trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

12.1 Điều kiện xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo Đại học của trường và các quy định hiện hành.

12.2 Thời gian và kế hoạch đào tạo

Theo kế hoạch chung của Trường được ban hành hàng năm.

12.3 Các loại học phần

- Học phần bắt buộc và tự chọn
- Học phần tiên quyết, học phần học trước

12.4 Thang điểm - Đánh giá kết quả học tập:

Thực hiện theo Quy chế thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lâm Hoài Phương